TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: **79**/2026/QĐST- HNGĐ	*Vĩnh Long, ngày 30 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 24/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:*

1. Chị Trần Thị N, sinh ngày 15/7/1987.

Số Căn cước công dân: 083187018583; Cấp ngày 13/09/2022; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: số 425A, khu phố Phú Nhuận 1, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long

2. Anh Huỳnh Thanh Đ, sinh ngày 22/4/1988.

Số Căn cước công dân: 083088000609; Cấp ngày 29/3/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: số D, khu phố P, phường A, tỉnh Vĩnh Long

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: anh Huỳnh Thanh Đ và chị Trần Thị N tự tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, cả hai kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn trong quá trình sống chung hạnh phúc được khoảng thời gian đầu, sau đó hai bên phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, thường xuyên cự cãi. Nay anh Đ, chị N cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, hôn nhân anh Đ, chị N mâu thuẫn đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: có 01 con chung tên Huỳnh Xuân N1, sinh ngày 06/3/2016. Hai bên thỏa thuận, chị N trực tiếp nuôi con, chị N không yêu cầu anh Đ cấp

dưỡng nuôi con. Xét thấy, sự thỏa thuận của hai bên là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của con nên ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

[4] Lệ phí: anh Đ, chị N phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng)

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Huỳnh Thanh Đ và chị Trần Thị N thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân của anh Đ, chị N chấm dứt kể từ ngày ban hành Quyết định.

- Về con chung: có 01 con chung tên Huỳnh Xuân N1, sinh ngày 06/3/2016. Giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, ghi nhận việc chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ được quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản. Tuy nhiên, vì quyền và lợi ích của con chung, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên khai không có nên không xét đến

- Về nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

2. Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng): anh Đ, chị N phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011950 ngày 12/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Anh, chị đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 5 – Vĩnh Long;;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng thi hành án dân sự Khu vực 5- Vĩnh Long;
- UBND xã Hưng Nhượng, tỉnh Vĩnh Long (Số ĐKKH 77/2014);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)

Trần Nguyễn Trọng Hiếu